Phap Cu Pali-Anh-Viet - 12

Kinh Pháp Cú (Dhammapada, Anh–Việt)

Phap Cu Pali-Anh-Viet - 12

Vietnamese, with Unicode Times font

Thi kệ Pháp Cú - Dhammapada

Pali - Anh (Narada) - Việt (Tịnh Minh)

Phẩm XII

ATTA VAGGA - THE SELF - PHẨM TỰ NGÃ

Attaana.m

If one holds dear, one should protect oneself well.

During every one of the three watches

the wise man should keep vigil. -- 157

157. Nếu ta yêu quí ta,

Phải bảo vệ tối đa,

Một trong ba canh ấy,

Người trí phải tỉnh ra.

Attaanameva pa.thama.m patiruupe nivesaye

Let one first establish oneself in what is proper,

and then instruct others.

Such a wise man will not be defiled. -- 158

158. Người trí trước đặt mình,

Vào nếp sống chánh hạnh,

Sau ra giáo hóa người,

Ắt khỏi bị khiển trách.

Attaana~nce tathaa kayiraa yatha~n~namanusaasati

Sudanto vata dammetha attaa hi kira duddamo. -- 159

As he instructs others so should he himself act.

Himself fully controlled, he should control (others);

for oneself, indeed, is difficult to control. -- 159

159. Hãy làm cho kỳ được,

Những điều mình dạy người,

Khéo nhiếp mình, nhiếp người,

Khó thay tự điều nhiếp!

Attaa hi attano naatho ko hi naatho paro siyaa

Attanaa-va sudantena naatha.m labhati dullabha.m. -- 160

Oneself, indeed, is one's saviour,

for what other saviour would there be?

With oneself well controlled,

one obtains a saviour difficult to find. -- 160

160. Hãy nương tựa chính mình,

Chứ nương tựa ai khác?

Người khéo điều phục mình,

Đạt chỗ tựa khó đạt.

Attanaa-va

By oneself alone is evil done;

it is self-born, it is self-caused.

Evil grinds the unwise

as a diamond grinds a hard gem. -- 161

161. Ác nghiệp do mình gây,

Ác nghiệp do mình tạo,

Ác nghiệp nghiền kẻ ngu,

Như kim cương mài ngọc.

Yassa accantadussiilya.m maaluvaa saalamivotata.m

He who is exceedingly corrupt,

like a maaluvaa creeper strangling a sal tree,

does to himself

what even an enemy would wish for him. -- 162

162. Kẻ vung tay phá giới,

Như cây bị giây leo,

Tự chuốc lấy hiểm nghèo,

Kẻ thù muốn như vậy.

Sukaraani asaadhuuni attano ahitaani ca

Easy to do are things that are hard

and not beneficial to oneself,

but very, very, difficult, indeed,

to do is that which is beneficial and good. -- 163

163. Việc ác rất dễ làm,

Nhưng chẳng lợi cho ta,

Việc ân ích từ thiện,

Thật khó làm lắm đa!

Yo

The stupid man, who, on account of false views,

scorns the teaching of the Arahants,

the Noble Ones, and the Righteous,

ripens like the fruit of the kaashta reed,

only for his own destruction. -- 164

164. Kẻ ngu ôm tà kiến,

Khinh miệt pháp Thánh tăng,

Bậc La hán, chánh hạnh,

Sẽ tự diệt căn lành,

Như trái cây lau chín,

Tự hủy hoại thân nhanh

Attanaa-va

Attanaa akata.m paapa.m attanaa-va visujjhati

By oneself, indeed, is evil done;

by oneself is one defiled.

By oneself is evil left undone;

by oneself indeed, is one purified.

Purity and impurity depend on oneself.

No one purifies another. -- 165

165. Tự ta gây ác nghiệp.

Tự ta nhiễm cấu trần,

Tự ta tránh ác nghiệp,

Tự ta tịnh thân tâm.

Nhiễm tịnh do ta cả.

Không ai thanh tịnh ai.

Attadattha.m paratthena bahunaa-pi na haapaye

Attadatthamabhi~n~naaya sadatthapasuto siyaa. -- 166

For the sake of others' welfare, however, great,

let not one neglect one's own welfare.

Clearly perceiving one's own welfare,

let one be intent on one's own goal. -- 166

166. Dù lợi người bao nhiêu,

Cũng đừng quên tự lợi,

Hiểu rõ được tự lợi,

Quyết chí đạt lợi riêng.

TỪ VỰNG VÀ THÀNH NGỮ ANH-VIỆT

(a): adjective; (adv): adverb; (conj): conjunction;

(n): noun; (prep): preposition; (v): verb

Verse - Kệ 157

Watch (n) : Tuần canh.

Vigil (n) : Sự tỉnh thức.

Verse - Kệ 158

Establish (v) : Thiết lập.

Proper (a) : Đúng đắn, chính xác.

Instruct (a) : Giáo hóa, đào tạo.

Reproach (v) : Khiển trách.

Verse - Kệ 161

Self-born (a) : Tự sinh ra.

Self-caused (a) : Tự gây ra.

Grind (v) : Nghiền, mài giũa.

Gem (n) : Viên ngọc, đá chạm.

Verse - Kệ 162

Exceedingly (adv) : Quá mức.

Corrupt (a) : Thối nát, phá giới.

Strangle (v) : Bóp nghẹt, đàn áp.

Creeper (n) : Cây leo.

Verse - Kệ 163

Beneficial (a) : Có ích, có lợi.

Verse - Kệ 164

On account of : Vì.

False view : Tà kiến, quan điểm sai lầm.

Scorn (v) : Khinh miệt.

Reed (n) : Cây lau, sậy.

Fructify (v) : Ra quả.

Verse - Kệ 165

Defile (n) : Gây nhiễm ô.

Purify (v) : Thanh lọc, tẩy uế.

Verse - Kệ 166

Welfare (n) : Hạnh phúc, phúc lợi.

Neglect (v) : Thờ ơ, bỏ mặc.

Perceive (v) : Hiểu, nhận thức.

Zealous (a) : Hăng hái, nhiệt tâm.

Regard (v) : Quan tâm, lưu ý đến.

Self-interest (a) : Lợi ích, cá nhân, tự lợi.

-ooOoo-

Đầu trang | Mục lục | 01 | 02
| 03 | 04 | 05
| 06 | 07 | 08
| 09 | 10 |
11 | 12 | 13 | 14

| 15 | 16 | 17
| | 18 | 19 | 20
| 21 | 22 | 23
| 24 | 25 | 26

Chân thành cám ơn Đại đức Giác Đồng đã gửi tặng phiên bản điện tử (Bình Anson, tháng 07-2001).

[Trở về trang Thư Mục]

updated: 01-08-2001

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.